



PHIẾU HỌC TẬP
(Sử dụng trên lớp)

THỰC HÀNH
TIẾNG VIỆT

ABC



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1



Xem lại nội dung phần tri thức tiếng Việt (SGK/tr.18-19 và hoàn thành bảng sau:

	Từ đơn	Từ phức	
Khái niệm			
Ví dụ: Các bác sĩ đang cống hiến âm thầm lặng lẽ để bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.			



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tri thức tiếng Việt

	Từ đơn	Từ phức	
Khái niệm	Từ đơn là từ có một tiếng	Từ phức là từ có hai tiếng trở lên	
Ví dụ: <i>Các bác sĩ đang cống hiến âm thầm lặng lẽ để bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.</i>	Các /đang/ để/cho/	Từ ghép	Từ láy
		bác sĩ, cống hiến, bảo vệ...	âm thầm, lặng lẽ
Khác nhau		các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa	các tiếng có quan hệ với nhau về âm



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Bài tập 1: (SGK/27)

Tìm từ đơn, từ phức trong đoạn văn sau:

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên võ vào mông ngựa. Ngựa hí mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa

(Thánh Gióng)

Từ đơn	Từ phức

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Từ đơn	Từ phức
vùng, dậy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, vồ, vào, ngựa, hí, dài, mấy, tiếng, mặc, cầm, roi, nhảy, lên, mình, ngựa	chú bé, trắng sỡ, oai phong, lắm liệt, vang dội, áo giáp



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

2. Bài tập 2 (SGK/27)

Tìm các từ ghép, từ láy trong đoạn văn sau:

Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Những nồi cơm nho nhỏ treo dưới những cánh cong hình cánh cung được cắm rất khéo léo từ dây lưng uốn cong về trước mặt.

(Minh Nhường, *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*)

Từ láy	
Từ ghép	





PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Từ láy

- nhỏ nhỏ
- khéo léo

Từ ghép

- già thóc
- giàn sàng
- bắt đầu
- dự thi
- nồi cơm
- cánh cung
- dây lưng



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Bài tập 3,4

(SGK/28)

*Tạo ra từ ghép, từ
láy các tiếng dưới
đây:*

ABC



Tiếng	Từ ghép	Tiếng	Từ láy
a. ngựa		a. nhỏ	
b. sắt		b. khỏe	
c. thi		c. óng	
d. áo		d. dẻo	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

ABC



Tiếng	Từ ghép	Tiếng	Từ láy
a. ngựa	con ngựa, ngựa xe, ngựa ô.	a. nhỏ	nhỏ nhỏ, nhỏ nhăn
b. sắt	ngựa sắt, sắt thép	b. khỏe	khỏe khỏe
c. thi	kì thi, thi đua	c. óng	óng ánh, óng (từ láy đặc biệt vì cùng văng khuyết phụ âm đầu)
d. áo	áo quần, áo giáp, áo dài	d. dẻo	dẻo dai

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4



Bài tập 7 (SGK/28)

Tìm và ghép thành ngữ (cột A) với nghĩa của thành ngữ (cột B) trong bảng dưới đây sao cho phù hợp

A. Thành ngữ

B. Nghĩa của thành ngữ

1. Chết như rạ

a. Nhận xét ai làm gì rất nhanh

2. Mẹ tròn con vuông

b. Lòng oán giận và hận thù với ai đó rất sâu nặng

3. Cầu được ước thấy

c. Chết rất nhiều

4. Oán nặng thù sâu

d. Điều mong ước trở thành hiện thực

5. Nhanh như cắt

đ. Việc sinh nở thuận lợi, tốt đẹp

e. Chỉ những người có hiểu biết hạn hẹp nhưng lại cho mình thông minh, tài giỏi

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

A. Thành ngữ

B. Nghĩa của thành ngữ

1. Chết như rạ

a. Nhận xét ai làm gì rất nhanh

2. Mẹ tròn con vuông

b. Lòng oán giận và hận thù với ai đó rất sâu nặng

3. Cầu được ước thấy

c. Chết rất nhiều

4. Oán nặng thù sâu

d. Điều mong ước trở thành hiện thực

5. Nhanh như cắt

đ. Việc sinh nở thuận lợi, tốt đẹp

**Đáp án: 1-c, 2-đ,
3-d, 4-b, 5-a**

e. Chỉ những người có hiểu biết hạn hẹp nhưng lại cho mình thông minh, tài giỏi

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5



Bài tập 9 (SGK/28): *Tìm thành ngữ có chứa các từ dưới đây*

Từ	Thành ngữ
a. Nước	
b. Mật	
c. Ngựa	
d. Nhặt	



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Từ

Thành ngữ

a. Nước

nước chảy đá mòn, nước mặn
đồng chua

b. Mật

nằm gai nếm mật, mật ngọt chết
ruồi

c. Ngựa

ngựa quen đường cũ, ngựa non
hấu đá

d. Nhạt

nhạt như nước ốc

